

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 63 /OFV/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina.

Địa chỉ: Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274 3553700

Mã số doanh nghiệp: 3700667933

Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận “Chứng nhận hệ thống An toàn thực phẩm FSSC 22000” cho cơ sở sản xuất:

Địa chỉ	Nơi cấp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp
Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina. Lô E-13-CN, Đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	SGS	VN21/00045	Hiệu lực từ 28/02/2025 đến 27/02/2028.
Chi nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina. Khu công nghiệp Yên Phong, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.	SGS	VN20/00109	Hiệu lực từ 01/04/2024 đến 31/03/2027.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÁNH SNACK TOONIES VỊ GÀ RÁN GIÒN TAN /

2. Thành phần:

- BÁNH: BỘT BẮP, DẦU THỰC VẬT, BỘT GẠO, HỖN HỢP BỘT GIA VỊ GÀ RÁN 5,0% (ĐƯỜNG, MUỐI, CHẤT ĐIỀU VỊ (621, 627, 631), MALTODEXTRIN, HƯƠNG LIỆU (TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN, TỔNG HỢP), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT CHỐNG ĐÔNG VÓN (551), CHẤT TẠO NGỌT TỔNG HỢP (951), CHẤT



TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160c(i), 150a), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (150c)), VẢY KHOAI TÂY, VẢY RAU NGÒ TÂY, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (160a(i)).

- **BỘT CÀ CHUA:** ĐƯỜNG, MUỐI, CHẤT ĐIỀU VỊ (621, 627, 631), BỘT RAU CÙ, HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN), MALTODEXTRIN, BỘT SỮA, BỘT ĐẠM ĐẬU NÀNH THỦY PHÂN, CHẤT CHỐNG ĐÔNG VÓN (551), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160c(i)), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (150c)).

Ghi chú:

- Với gói 32 g Bánh Snack Toonies Vị Gà Rán Giòn Tan, mỗi gói gồm: bánh 31 g, bột cà chua 1 g.
- Với gói 40 g Bánh Snack Toonies Vị Gà Rán Giòn Tan, mỗi gói gồm: bánh 39 g, bột cà chua 1 g.
- Với gói 60 g Bánh Snack Toonies Vị Gà Rán Giòn Tan, mỗi gói gồm: bánh 58,4 g; bột cà chua 1,6 g.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất: được in trên bao bì (ngày/ tháng/ năm).

Hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: gói 32 g, gói 40 g, gói 60 g.
- Quy cách đóng thùng:
 - + Gói 32 g: 32 g/ gói x 10 gói/ lốc x 8 lốc/ thùng (hoặc bao nylon).
 - + Gói 40 g: 40 g/ gói x 10 gói/ lốc x 8 lốc/ thùng (hoặc bao nylon).
 - + Gói 60 g: 60 g/ gói x 4 gói/ lốc x 8 lốc/ thùng (hoặc bao nylon).
- Chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm: OPP/PE/VMPET/LLDPE.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

5.1. Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina.

Địa chỉ: (M) Lô E-13-CN đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, TP. Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

5.2. Chi nhánh Công ty TNHH Thực Phẩm Orion Vina

Địa chỉ: (Y) Khu công nghiệp Yên Phong, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Chú thích (M), (Y): Ký hiệu địa chỉ nơi sản xuất, được in bên cạnh ngày sản xuất.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

Nhãn sản phẩm phù hợp với nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về nhãn hàng hóa, nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP, thông tư số 09/VBHN-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT_Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tham khảo nhóm
1	Chì	ppm	$\leq 0,2$	Ngũ cốc
2	Cadimi	ppm	$\leq 0,1$	Ngũ cốc
3	Arsen	ppm	$\leq 5,0$	Gia vị
4	Thủy ngân	ppm	$\leq 0,05$	Gia vị

2. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** QCVN 8-1:2011/BYT_Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên độc tố vi nấm	Đơn vị tính	Mức công bố	Tham khảo nhóm
1	Aflatoxin B1	ppb	≤ 2	Các loại ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bao gồm cả sản phẩm ngũ cốc đã qua chế biến (không bao gồm các sản phẩm quy định tại mục 1.7; 1.10; 1.12)
2	Aflatoxin tổng số (aflatoxin B1, B2, G1, G2)	ppb	≤ 4	
3	Ochratoxin A	ppb	≤ 3	Ngũ cốc sử dụng làm thực phẩm, các sản phẩm từ ngũ cốc (đã và chưa qua chế biến) (không bao gồm các sản phẩm quy định tại phần 2.9 và 2.10).

4	DON (Deoxynivalenol)	ppb	≤ 500	Bánh mì, bánh nướng (pastries), bánh quy, bánh snack và đồ ăn điểm tâm (breakfast) từ ngũ cốc.
5	Zearalenone	ppb	≤ 100	Ngô sử dụng làm thực phẩm, bánh snack và đồ ăn điểm tâm từ ngô.
6	Fumonisin	ppb	≤ 800	Bánh snack và đồ ăn điểm tâm từ ngô.

3. Tiêu chuẩn nhà sản xuất:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	$\leq 10^4$
2	Tổng số <i>Coliforms</i>	cfu/g	≤ 10
3	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/g	≤ 10
4	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	$\leq 10^2$

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 04 tháng 07 năm 2025.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

(Ký tên, đóng dấu)



MAI THỊ THÊM



BÁNH SNACK TOONIES VỊ GÀ RÁN GIÒN TÀN

TOONIES là một loại bánh snack giòn tan, được làm từ bột mì và dầu thực vật, có vị gà rán giòn tan, rất phù hợp để ăn vặt hoặc làm quà tặng. Bánh có hình dáng độc đáo, giống như một chú mèo toon, rất dễ nhận diện. Bánh được đóng gói trong túi nilon, giữ được độ giòn và hương vị lâu dài.

TOONIES là một loại bánh snack giòn tan, được làm từ bột mì và dầu thực vật, có vị gà rán giòn tan, rất phù hợp để ăn vặt hoặc làm quà tặng. Bánh có hình dáng độc đáo, giống như một chú mèo toon, rất dễ nhận diện. Bánh được đóng gói trong túi nilon, giữ được độ giòn và hương vị lâu dài.

Thành phần	Giá trị dinh dưỡng
Chất béo	10g
Chất bột	15g
Chất đạm	2g
Chất xơ	0.5g
Chất khoáng	0.5g

TOONIES là một loại bánh snack giòn tan, được làm từ bột mì và dầu thực vật, có vị gà rán giòn tan, rất phù hợp để ăn vặt hoặc làm quà tặng. Bánh có hình dáng độc đáo, giống như một chú mèo toon, rất dễ nhận diện. Bánh được đóng gói trong túi nilon, giữ được độ giòn và hương vị lâu dài.

TOONIES là một loại bánh snack giòn tan, được làm từ bột mì và dầu thực vật, có vị gà rán giòn tan, rất phù hợp để ăn vặt hoặc làm quà tặng. Bánh có hình dáng độc đáo, giống như một chú mèo toon, rất dễ nhận diện. Bánh được đóng gói trong túi nilon, giữ được độ giòn và hương vị lâu dài.



GUESS
WHO?
TOONIES



CƠNH NHÀ NGƯỜI TA, BIẾN HÌNH
HÀNG PHAU CHU 7749 KIẾP HẠNH
MỌI CỐ ĐỒNG BỤT LÀ ĐÀN THẦN
NÊN ĐƯỢC CHÀNG BÀ TỪ
QUA THỊ RƠI BỊ BÀ.

SCAN ĐỂ BIẾT
TÔI LÀ AI



NSX:



* HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ THÔNG TIN KHÁC

BÁNH SNACK TOONIES VỊ GÀ RÁN GIÒN TAN

• THÀNH PHẦN:

BÁNH (31g): BỘT BÁP, DẦU THỰC VẬT, BỘT GẠO, HỖN HỢP BỘT GIA VỊ GÀ RÁN 5,0% (ĐƯỜNG, MUỐI, CHẤT ĐIỀU VỊ (621, 627, 631), MALTODEXTRIN, HƯƠNG LIỆU (TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN, TỔNG HỢP), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT CHỐNG ĐÔNG VON (551), CHẤT TẠO NGỌT TỔNG HỢP (951), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160d(i), 150a), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (150c(i)), VỎ KHOAI TÂY, VỎ RAU NGÓ TÂY, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (160d(i)).

BỘT CÀ CHUA (1g): ĐƯỜNG, MUỐI, CHẤT ĐIỀU VỊ (621, 627, 631), BỘT RAU CÚ, HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN), MALTODEXTRIN, BỘT SỮA, BỘT ĐẠM DẬU NÀNH THUYẾT PHÂN, CHẤT CHỐNG ĐÔNG VON (551), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160d(i)), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (160d(i)).

• **SẢN PHẨM CÓ CHỨA CÁC THÀNH PHẦN DỊ ỨNG SAU:** LÚA MÌ, TRỨNG, ĐÀU NÀNH, SỮA, LÚA MẠCH VÀ CƠ THỂ CHỨA TÔM, CÁ.

• **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.**

(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.

(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YÊN PHONG, XÃ YÊN TRUNG, HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.

KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.

• **THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.** BẢO QUẢN NƠI KHÔ RAO, THÔNG MÁT, TRÁNH ÁNH NANG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO. DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. SẢN PHẨM TIẾP XÚC LÂU VỚI KHÔNG KHÍ SẼ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘ GIÒN.

• **NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).

• **XUẤT XỨ:** VIỆT NAM.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g

NĂNG LƯỢNG	CHẤT DẠM	CARBOHYDRAT	ĐƯỜNG TỔNG SỐ
583 kcal	4,9 g	52,9 g	3,7 g
CHẤT BÉO	CHẤT BÉO BẢO HÒA	NATRI	
38,7 g	16,0 g	392 mg	

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG GÓI 32 g XẤP XÌ 0,3 LẦN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g.



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 – 17h00 HÀNG NGÀY
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ)
SĐT: 1900.63.36.37



KHỐI LƯỢNG TỊNH: 32 g



R2.50







BÁNH SNACK TOCNIUS VỊ GÀ RÁN GIÒN TẦN

• THÀNH PHẦN:

BÁNH (39 g): BỘT BẮP, DẦU THỰC VẬT, BỘT GAO, HỖN HỢP BỘT GIA VỊ GÀ RÁN 50% (ĐƯỜNG, MUỐI, CHẤT ĐIỀU VỊ (621, 627, 631), MALTODEXTRIN, HƯƠNG LIỆU (TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN, TỔNG HỢP), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT CHỐNG ĐÔNG VON (551), CHẤT TẠO NGÓT TỔNG HỢP (951), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160d(i), 150a), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (150c(i)), VẢY KHOAI TÂY, VẢY RAU NGO TÂY, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (160d(i)).

BỘT CÀ CHUA (1 g): ĐƯỜNG, MUỐI, CHẤT ĐIỀU VỊ (621, 627, 631), BỘT RAU CÚ, HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN), MALTODEXTRIN, BỘT SỮA, BỘT ĐẠM DẦU NÀNH THỦY PHẦN, CHẤT CHỐNG ĐÔNG VON (551), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160d(i)), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (150c(i)).

• **SẢN PHẨM CÓ CHỨA CÁC THÀNH PHẦN DỊ ỨNG SAU:** LÚA MÌ, TRỨNG, ĐẬU NÀNH, SỮA, LÚA MẠCH VÀ CÓ THỂ CHỨA TÔM, CÁ.

• **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.**

(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.

(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YẾN PHONG, XÃ YẾN TRUNG, HUYỆN YẾN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.

KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.

• **THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.**

BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THOANG MÁT, TRÁNH ANH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO. DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI. SẢN PHẨM TIẾP XÚC LÂU VỚI KHÔNG KHÍ SẼ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘ GIÒN.

• **NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THANG/NĂM).

• **XUẤT XỨ:** VIỆT NAM.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g

NĂNG LƯỢNG	CHẤT DẠM	CARBOHYDRAT	ĐƯỜNG TỔNG SỐ
583 kcal	4,9 g	52,9 g	3,7 g
CHẤT BÉO	CHẤT BÉO BÃO HÒA	NATRI	
38,7 g	16,0 g	392 mg	

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG GÓI 40 g XẤP XÌ 0,4 LẦN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g.



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 – 17h00 HÀNG NGÀY
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ)

SĐT: 1900.63.36.37



KHỐI LƯỢNG TỊNH: 40 g



**BÁNH SNACK TOONIES
VỊ GÀ RÁN GIÒN TÀN**

TOONIES là sản phẩm snack được làm từ bột mì, trứng gà, dầu thực vật và gia vị tự nhiên. Sản phẩm được chiên giòn và phủ một lớp bột chiên giòn giòn tan, giúp bạn thưởng thức hương vị thơm ngon và giòn tan tuyệt vời.

TOONIES là sản phẩm snack được làm từ bột mì, trứng gà, dầu thực vật và gia vị tự nhiên. Sản phẩm được chiên giòn và phủ một lớp bột chiên giòn giòn tan, giúp bạn thưởng thức hương vị thơm ngon và giòn tan tuyệt vời.

Thành phần	Chất đạm	Chất béo	Carbohydrat	Đường
100g	12g	18g	25g	1g

Chất xơ	Chất khoáng	Natri
1g	1g	1g

TOONIES là sản phẩm snack được làm từ bột mì, trứng gà, dầu thực vật và gia vị tự nhiên. Sản phẩm được chiên giòn và phủ một lớp bột chiên giòn giòn tan, giúp bạn thưởng thức hương vị thơm ngon và giòn tan tuyệt vời.

8 936036 028836
KHOẢNG LƯỢNG: 60 g
Mức tiêu thụ năng lượng: 1700 kJ (400 kcal)



**GUESS WHO?
TOONIES**



CƠN NHÀ NGƯỜI TA ĐIỂN HÌNH
NHƯNG PHẢI CHỊU 7749 KẾP NẠN
MÀY CÓ ỒNG BỤT LÀ BẠN THÂN
NÊN ĐƯỢC CHỊU BÈ TỪ
QUẢ THƠ RƠI BỊ BẮ.

SCAN ĐỂ BIẾT
TÔI LÀ AI



NSX:

* MẪU ĐÓNG BẮT VÀ CHẤM HẾT TỪ NGUYỄN VĂN LUYỆN

BÁNH SNACK TOONIES VỊ GÀ RÁN GIÒN TAY



• THÀNH PHẦN:

BÁNH (58,4 g): BỘT BẮP, DẦU THỰC VẬT, BỘT GẠO, HỖN HỢP BỘT GIA VỊ GÀ RÁN 5,0% (ĐƯỜNG, MUỐI, CHẤT ĐIỀU VỊ (621, 627, 631), MALTODEXTRIN, HƯƠNG LIỆU (TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN, TỔNG HỢP), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT CHỐNG ĐÔNG VON (551), CHẤT TẠO NGỌT TỔNG HỢP (951), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160c(i), 150a), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (150c)), VẢY KHOAI TÂY, VẢY RAU NGÔ TÂY, CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (160a(i)).

BỘT CÀ CHUA (1,6 g): ĐƯỜNG, MUỐI, CHẤT ĐIỀU VỊ (621, 627, 631), BỘT RAU CÚ, HƯƠNG LIỆU (TỔNG HỢP, TỰ NHIÊN, GIỐNG TỰ NHIÊN), MALTODEXTRIN, BỘT SỮA, BỘT ĐẠM DẦU NÀNH THỦY PHÂN, CHẤT CHỐNG ĐÔNG VON (551), CHẤT ĐIỀU CHỈNH ĐỘ ACID (330), CHẤT TẠO MÀU TỰ NHIÊN (160c(i)), CHẤT TẠO MÀU TỔNG HỢP (150c)).

• **SẢN PHẨM CÓ CHỨA CÁC THÀNH PHẦN DỊ ỨNG SAU:** LÚA MI, TRỨNG, ĐẬU NÀNH, SỮA, LÚA MẠCH VÀ CÓ THỂ CHỨA TÔM, CÁ.

• **SẢN XUẤT TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA.**

(M) LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KHU CÔNG NGHIỆP MỸ PHƯỚC 2, PHƯỜNG MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.

(Y) KHU CÔNG NGHIỆP YẾN PHONG, XÃ YẾN TRUNG, HUYỆN YẾN PHONG, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM.

KÝ HIỆU ĐỊA CHỈ NHÀ MÁY (M), (Y) XEM BÊN CẠNH NGÀY SẢN XUẤT.

• **THEO BẢN QUYỀN THƯƠNG HIỆU ORION CỦA TẬP ĐOÀN ORION, HÀN QUỐC.**
BẢO QUẢN NƠI KHÔ RÁO, THÔNG MÁT, TRÁNH ÁNH NẮNG TRỰC TIẾP VÀ NHIỆT ĐỘ CAO.
DÙNG NGAY SAU KHI MỞ GÓI, SẢN PHẨM TIẾP XÚC LÂU VỚI KHÔNG KHÍ SẼ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘ GIÒN.

• **NGÀY SẢN XUẤT (NSX):** ĐƯỢC IN TRÊN BAO BÌ (NGÀY/THÁNG/NĂM).

• **XUẤT XỨ:** VIỆT NAM.

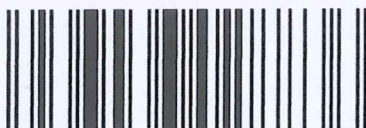
GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g

NĂNG LƯỢNG	CHẤT DẠM	CARBOHYDRAT	ĐƯỜNG TỔNG SỐ
583 kcal	4,9 g	52,9 g	3,7 g
CHẤT BÉO	CHẤT BÉO BẢO HÒA	NATRI	
38,7 g	16,0 g	392 mg	

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG GÓI 60 g XẤP XÍ 0,6 LẦN GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRONG 100 g.



MỌI THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VUI LÒNG
LIÊN HỆ TỪ 8h00 – 17h00 HÀNG NGÀY
(TRỪ THỨ BẢY, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY LỄ)
SĐT: 1900.63.36.37



8 936036 028836

KHOẺ LƯỢNG TỊNH: 60 g



Report N°: 0000938763

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: May 23, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 23/05/2025

JOB NO.: 2504A-2940

Đơn hàng: 2504A-2940

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : **ORION FOOD VINA CO., LTD**
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

CLIENT'S ADDRESS : **LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM**
Địa chỉ : LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : **BÁNH SNACK TOONIES VỊ GÀ RÁN GIÒN TAN**
Chú thích của khách hàng : **SNACK TOONIES CRISPY FRIED CHICKEN TASTE**
SNACK KOONY CRISPY CHICKEN FLAVOUR

Sampling date : 14.04.2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Food (approx. gr. wt. 1kg) in 02 full labeled plastic containers**
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : **2504A-2940.002**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : April 21, 2025
Ngày nhận mẫu : 21/04/2025

Testing period : April 21, 2025 - April 28, 2025
Thời gian thử nghiệm : 21/04/2025 - 28/04/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000938763

Page N° 2/3

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Arsenic (As) Asen	AOAC 2013.06	0.011	0.005	0.01	mg/kg	
2. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	
3. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	
4. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	0.005	0.01	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000938763

Page N° 3/3

và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở đây ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở đây ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở đây ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000936585 Dated 21-May-2025 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000936585 Ngày 21/05/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000938743

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: May 23, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 23/05/2025

JOB NO.: 2504A-2940

Đơn hàng: 2504A-2940

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : ORION FOOD VINA CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

CLIENT'S ADDRESS : LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG
Địa chỉ : PROVINCE, VIETNAM
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : BÁNH SNACK TOONIES VỊ GÀ RÁN GIÒN TAN
Chú thích của khách hàng : SNACK TOONIES CRISPY FRIED CHICKEN TASTE
SNACK KOONY CRISPY CHICKEN FLAVOUR

Sampling date : 14.04.2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 1kg) in 02 full labeled plastic containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa
nhấn mác đầy đủ

Sample ID : 2504A-2940.002
Mã số mẫu

Date sample(s) received : April 21, 2025
Ngày nhận mẫu : 21/04/2025

Testing period : April 21, 2025 - April 28, 2025
Thời gian thử nghiệm : 21/04/2025 - 28/04/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000938743

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2) Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	_(a)	_(a)	µg/kg	
2. Aflatoxin B1 Aflatoxin B1	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
3. Aflatoxin B2 Aflatoxin B2	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
4. Aflatoxin G1 Aflatoxin G1	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
5. Aflatoxin G2 Aflatoxin G2	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
6. Ochratoxin A Ochratoxin A	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	0.3	1	µg/kg	
7. Deoxynivalenol Deoxynivalenol	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	3	10	µg/kg	
8. Zearalenone Zearalenone	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	1	3	µg/kg	
9. Fumonisin (sum of FB1, FB2, and FB3) Fumonisin (tổng của FB1, FB2 và FB3)	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	_(a)	_(a)	µg/kg	
10. Fumonisin (sum of FB1 and FB2) Fumonisin (tổng của FB1 và FB2)	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	_(a)	_(a)	µg/kg	
11. Fumonisin B1 (FB1) Fumonisin B1	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	3	10	µg/kg	
12. Fumonisin B2 (FB2) Fumonisin B2	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	3	10	µg/kg	
13. Fumonisin B3 (FB3) Fumonisin B3	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected Không phát hiện	3	10	µg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000938743

Page N° 3/4

- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/Ven/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000938743

Page N° 4/4

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000936585 Dated 21-May-2025 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000936585 Ngày 21/05/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000938722

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: May 23, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 23/05/2025

JOB NO.: 2504A-2940

Đơn hàng: 2504A-2940

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : ORION FOOD VINA CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

CLIENT'S ADDRESS : LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG
Địa chỉ : PROVINCE, VIETNAM
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : BÁNH SNACK TOONIES VỊ GÀ RÁN GIÒN TAN
Chú thích của khách hàng : SNACK TOONIES CRISPY FRIED CHICKEN TASTE
SNACK KOONY CRISPY CHICKEN FLAVOUR

Sampling date : 14.04.2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 1kg) in 02 full labeled plastic containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa
nhấn mác đầy đủ

Sample ID : 2504A-2940.002
Mã số mẫu

Date sample(s) received : April 21, 2025
Ngày nhận mẫu : 21/04/2025

Testing period : April 21, 2025 - April 28, 2025
Thời gian thử nghiệm : 21/04/2025 - 28/04/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000938722

Page N° 2/3

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	3.0x10 ¹	-	10	cfu/g	
2. Total Coliforms Coliform tổng	ISO 4832:2006	<10	-	10	cfu/g	
3. Staphylococcus aureus Staphylococcus aureus	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	cfu/g	
4. Total Yeast and Mold Tổng nấm men và nấm mốc	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	cfu/g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000938722

Page N° 3/3

hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đồ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000936585 Dated 21-May-2025 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000936585 Ngày 21/05/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000938706

Page N° 1/5

Ho Chi Minh City, Date: May 23, 2025

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 23/05/2025

JOB NO.: 2504A-2940

Đơn hàng: 2504A-2940

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : ORION FOOD VINA CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ORION VINA

CLIENT'S ADDRESS : LOT E-13-CN, ROAD NA3, MY PHUOC II IZ, BEN CAT CITY, BINH DUONG
Địa chỉ : PROVINCE, VIETNAM
LÔ E-13-CN ĐƯỜNG NA3, KCN MỸ PHƯỚC 2, P. MỸ PHƯỚC, THÀNH PHỐ BẾN CÁT,
TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : BÁNH SNACK TOONIES VỊ GÀ RÁN GIÒN TAN
Chú thích của khách hàng : SNACK TOONIES CRISPY FRIED CHICKEN TASTE
SNACK KOONY CRISPY CHICKEN FLAVOUR

Sampling date : 14.04.2025

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 1kg) in 02 full labeled plastic containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 1kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa
nhấn mác đầy đủ

Sample ID : 2504A-2940.002
Mã số mẫu

Date sample(s) received : April 21, 2025
Ngày nhận mẫu : 21/04/2025

Testing period : April 21, 2025 - April 28, 2025
Thời gian thử nghiệm : 21/04/2025 - 28/04/2025

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000938706

Page N° 2/5

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Crude protein <i>Đạm thô</i>	ISO 1871:2009	4.93	0.03	0.1	g/100g	N x 6.25
2. Moisture (105 °C) <i>Độ ẩm (105 °C)</i>	AOAC 925.45	0.46	0.1	0.35	g/100g	
3. Ash <i>Tro</i>	NMKL No.173	1.17	0.02	0.06	g/100g	
4. Total carbohydrate <i>Cacbohydrat tổng</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	54.78	-	-	g/100g	
5. Carbohydrate (not including dietary fiber) <i>Carbohydrat (không bao gồm xơ)</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	52.87	-	-	g/100g	
6. Dietary fiber (High molecular weight dietary fiber HMW DF) <i>Xơ (Xơ phân tử cao HMW DF)</i>	AOAC 991.43	1.91	0.1	0.4	g/100g	Note (F)
7. Energy (Viet Nam (VN) market) <i>Năng lượng (Thị trường Việt Nam (VN))</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	583	-	-	kcal/100g	
8. Calories (United States (US) market) <i>Năng lượng (Thị trường Mỹ (US))</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(a)	587	-	-	kcal/100g	
9. Total sugars (as sucrose) <i>Đường tổng (quy về sucroza)</i>	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method) ^(a)	3.69	0.15	0.5	g/100g	
10. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) <i>Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	38.6632	0.0001	0.0003	g/100g	
11. Saturated fatty acids (SFA) <i>Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)</i>	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	15.9850	0.0001	0.0003	g/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000938706

Page N° 3/5

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
12. Trans fatty acids (TFA) (sum of C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), and C22:1 n-9 (trans-)) Axít béo dạng Trans (TFA) (tổng của C14:1 (trans-), C16:1 (trans-), C18:1 (trans-), C18:2 (trans-), C18:3 (trans-), C20:1 (trans-), và C22:1 n-9 (trans-))	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.2279	0.0001	0.0003	g/100g	
13. Cholesterol Cholesterol	LFOD-TST-SOP-8554	<1	0.3	1	mg/100g	
14. Vitamin D (sum of vitamin D2 and vitamin D3) Vitamin D (tổng của vitamin D2 và vitamin D3)	ISO 20636:2018	Not Detected Không phát hiện	_(a)	_(a)	µg/100g	
15. Vitamin D2 (ergocalciferol) Vitamin D2 (ergocalciferol)	ISO 20636:2018	Not Detected Không phát hiện	0.1	0.3	µg/100g	
16. Vitamin D3 (cholecalciferol) Vitamin D3 (cholecalciferol)	ISO 20636:2018	Not Detected Không phát hiện	0.1	0.3	µg/100g	
17. Sodium (Na) Natri	AOAC 2011.14	392	0.5	1	mg/100g	
18. Calcium (Ca) Canxi	AOAC 2011.14	3.5	0.5	1	mg/100g	
19. Iron (Fe) Sắt	AOAC 2011.14	0.31	0.025	0.05	mg/100g	
20. Potassium (K) Kali	AOAC 2011.14	99	0.5	1	mg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000938706

Page N° 4/5

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (F) The result that was calculated by sum of insoluble dietary fiber (IDF) and high molecular weight soluble dietary fiber (HMW SDF) was not included with low molecular weight soluble dietary fiber (LMW SDF).
(F) Kết quả được tính từ tổng hàm lượng xơ không hòa tan (IDF) và xơ hòa tan phân tử lượng cao (HMW SDF), không bao gồm xơ hòa tan phân tử lượng thấp (LMW SDF).
- (US) Carbohydrate (total) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases).
(US) Hệ số của carbohydrate tổng: 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003) & Cơ sở dữ liệu dinh dưỡng thực phẩm quốc gia của USDA).
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).
- _(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.*
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.
- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g, Dietary Fiber factor: 2 kcal/g, 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g, hệ số chất xơ: 2 kcal/g, 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

Report N°: 0000938706

Page N° 5/5

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000936585 Dated 21-May-2025 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000936585 Ngày 21/05/2025 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn